

Bản án số: 261/2024/DS-ST

Ngày 27 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Bảy

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - là Thư ký viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2024/QĐXXST-DS ngày 18/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ T H T; Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số 8 đường M, Khóm A, Phường B, thành phố CM, tỉnh C (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan T T; Sinh năm: 1990 (Có mặt).

Bà Nguyễn T N D; Sinh năm: 1960; (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, thành phố CM, tỉnh CM;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh T L, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn chị Võ T H T trình bày: Vào ngày 07/02/2023 thông qua mối quan hệ quen biết với ông Huỳnh T L chị có cho anh Phan T T và bà Nguyễn T N D vay số tiền 450.000.000đ, lãi suất vay là 2%/tháng, thời hạn vay là 15 ngày. Quá trình vay anh T, bà Đviết biên nhận với sự bảo lãnh của ông Huỳnh T L và khi vay anh T, bà Đgiao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan V T và Nguyễn T N D (ông Thiên chồng bà Đđã chết trước khi vay tiền) cho chị T giữ làm tin. Từ khi đến hạn thanh toán nợ đến nay anh T, bà Đkhông trả vốn và lãi. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu Tòa án xem xét buộc anh T, bà Đ, ông L cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền vốn vay 450.000.000đ và tiền lãi theo quy định phát sinh từ khi vay đến khi hoàn trả đủ. Tuy nhiên tại phiên Tòa chị T xác định

rút yêu cầu đối với ông L chỉ yêu cầu bà Đ, anh T có trách nhiệm thanh toán nợ cho chị.

Anh Phan T T, bà Nguyễn T N D trình bày: Vào ngày 20/02/2022 anh T và mẹ là bà Đ có vay tiền của ông Huỳnh T L với số tiền 80.000.000đ, chưa hoàn trả. Đến ngày 07/02/2023 ông L đến nhà thỏa thuận nhờ anh T, bà Đ vay của chị T số tiền 450.000.000đ với hình thức vay là thế chấp tạm thời quyền sử dụng đất đứng tên Phan V T và Nguyễn T N D. Quá trình giao dịch vay tiền ông L hứa sẽ trả lại tiền cho chị T là 10 ngày, nhưng đến nay không thực hiện. Anh T và bà Đ thừa nhận sau khi nhận tiền từ chị T có giữ lại 60.000.000đ, số tiền còn lại 390.000.000đ anh T đã chuyển khoản cho ông L (Có nộp kèm giấy chuyển tiền). Nay chị T kiện yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền 450.000.000đ anh T, bà Đ không đồng ý chỉ thống nhất trả số tiền 60.000.000đ đã nhận và 80.000.000đ đã nợ ông L trước đó, yêu cầu ông Huỳnh T L có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại.

Đối với ông Huỳnh T L: Mặc dù ông L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo cho bà đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông L vẫn không có mặt tại Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ T H T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng ông Huỳnh T L vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn thanh toán tiền vay và lãi suất theo quy định nên tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa các đương sự là có diễn ra trong thực tế. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bà Nguyễn T N D và anh Phan T T vẫn thừa nhận, ông có vay tiền của chị Võ T H T nhưng hiện các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền đã nhận và trách nhiệm thanh toán nợ.

Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện anh T, bà Đ xác định chỉ có trách nhiệm thanh toán số tiền đã nhận 60.000.000đ và số tiền 80.000.000đ đã vay ông L trước đó không đồng ý thanh toán số tiền còn lại. Tuy nhiên, bản thân bà Đ, anh T thừa nhận quá trình giao dịch vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền số tiền 450.000.000đ và biên nhận ngày 17/02/2023 có nội dung "...có nhận của chị Võ T H T số tiền là 450.000.000đ..." là do anh T, bà Đ trực tiếp ký chịu trách nhiệm và anh T là người trực tiếp nhận

toàn bộ số tiền 450.000.000đ mặc dù các bị đơn cho rằng sau khi nhận tiền đã chuyển khoản lại ngay cho ông L có mặt chị T. Nhưng hiện nguyên đơn xác định khi cho bà Đ và anh T vay tiền không có cho ông L vay tiền nên việc anh T, bà Đ chuyển khoản lại cho Lợi số tiền 390.000.000đ là ngoài phạm vi giao dịch với nguyên đơn, lý do trước đây nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trách nhiệm cả ông L là do ông L giới thiệu cho vay và có ký làm chứng chịu trách nhiệm nhưng nay nguyên đơn xác định không có căn cứ khởi kiện ông L nên rút yêu cầu khởi kiện đối với ông L xác định chỉ yêu cầu trách nhiệm của bà Đ, anh T. Đối với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận. Bởi lẽ, chính các bị đơn cũng thừa nhận khi chuyển tiền cho ông L hoàn toàn không có thỏa thuận với nguyên đơn và bản thân các bị đơn và ông L có một giao dịch vay mượn nợ trước đó chưa thỏa thuận giải quyết xong, hiện các bị đơn không có yêu cầu khởi kiện giải quyết tranh chấp với ông L nên Tòa án không có căn cứ xem xét việc đối trừ và chuyển giao nợ, sau này các bị đơn có tranh chấp với ông L sẽ được kiện thành vụ án khác.

[4] Về lãi suất: Các đương sự đều thừa nhận quá trình giao dịch vay có thỏa thuận lãi suất nguyên đơn xác định lãi suất là 2%, bị đơn xác định lãi 5%/tháng nhưng từ khi vay đến nay các bị đơn xác định chưa thanh toán lãi, nguyên đơn cho rằng bị đơn có trả lãi 20.000.000đ nhưng do ông L trả thay. Xét thấy mức lãi các đương sự thỏa thuận là vượt quá qui định theo khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự qui định “...lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Tuy nhiên, tại phiên Tòa nguyên đơn tự nguyện giảm lãi, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiếp số tiền lãi là 50.000.000đ là thấp hơn mức lãi suất theo qui định hoàn toàn có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 537387 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 14/7/2010 cho ông Phan V T, bà Nguyễn T N D, vào ngày 07/02/2023 bị đơn đã giao cho nguyên đơn làm tin trong quá trình giao kết hợp đồng vay. Hiện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay và thống nhất trả lại giấy chứng nhận QSD đất sau khi bị đơn thanh toán xong nợ là phù hợp qui định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm toàn bộ. Tuy nhiên bà Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn phần án phí của bà.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn T N D, anh Phan T T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Võ T H T tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Trong đó vốn là 450.000.000đ, lãi là 50.000.000đ.

Kể từ ngày chị Võ T H T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn T N D, anh Phan T T không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Chị Võ T H T có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn T N D giấy chứng nhận quyền sử dụng BA 537387 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 14/7/2010 cho ông Phan V T, bà Nguyễn T N D sau khi anh T, bà Đ thanh toán tiền xong cho chị T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn T N D, anh Phan T T phải nộp là 24.000.000 đồng. Tuy nhiên bà Đ là người cao tuổi nên được miễn phần của bà, anh T phải nộp án phí phần còn lại là 12.000.000đ. Chị Võ T H T không phải nộp, ngày 08/3/2024 chị đã dự nộp 11.600.000đ theo biên lai thu số 0008215 và ngày 12/4/2024 chị đã dự nộp 1.500.000đ theo biên lai thu số 0008400 được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc